



Nâng Tầm Giá Trị

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Đường 7, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1

TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam

Tel : 061.3836112 – 3836662 - 3931355

Fax: 061.3836091 Website: dongnaipaint.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Biên Hòa, tháng 03/2014

www.dongnaipaint.com.vn

NỘI DUNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.....	1
2. Quá trình hình thành & phát triển.....	1
3. Ngành, nghề kinh doanh & địa bàn kinh doanh.....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5. Định hướng phát triển.....	6
6. Các rủi ro.....	7

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	8
2. Tổ chức và nhân sự.....	9
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	12
4. Tình hình tài chính.....	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	13

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD.....	14
2. Tình hình tài chính.....	18

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động Công ty.....	19
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.....	20

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị.....	21
2. Ban Kiểm soát.....	24
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ, BKS.....	25
4. Danh sách cổ đông lớn.....	26
5. Danh sách cổ đông nội bộ.....	27
6. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước.....	29
7. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập.....	29

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	
2. Ý kiến kiểm toán	
3. Bảng cân đối kế toán	
4. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	



Nâng Tầm Giá Trị

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Đường 7, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1

TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai - Việt Nam

Tel : 061.3836112 – 3836662 - 3931355

Fax: 061.3836091 Website: dongnaipaint.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013

(Theo mẫu Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I- THÔNG TIN CHUNG:

1/- Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600451024 thay đổi lần thứ 6, ngày 5/4/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Vốn điều lệ: 15.182.180.000đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.182.180.000đ
- Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
- Số điện thoại: 0613.931.355 Số fax: 0613.836.091
- Website: www.dongnaipaint.com.vn
- Mã cổ phiếu: SDN
- Chi nhánh tại Bắc Ninh: KCN Yên Phong, Xã Long Châu, H. Yên Phong, T. Bắc Ninh
- Nhà máy tại KCN AMATA: Đường số 5, KCN AMATA, P. Long Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
- Biểu tượng:



- Slogan: **Nâng Tầm Giá Trị**

2/- Quá trình hình thành và phát triển.

+ Việc thành lập: Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai nguyên là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Sở Công Nghiệp tỉnh Đồng Nai được thành lập năm 1987. Doanh nghiệp chuyển sang Công ty Cổ Phần theo Quyết định số 4636/QĐ-UBT ngày 01 tháng 03 năm 2000 của UBND tỉnh Đồng Nai.

+ Niêm yết: Công ty được UBKC Nhà Nước cấp giấy phép số: 106/UBCK-GPNY ngày 08/12/2006 với các nội dung như sau:

- 🚩 Loại Chứng khoán: Cổ phần phổ thông
- 🚩 Mã Chứng khoán: SDN
- 🚩 Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng chứng khoán niêm yết: 1.140.000 cổ phiếu (Một triệu một trăm bốn mươi ngàn cổ phiếu).

Tổng giá trị chứng khoán niêm yết: 11.400.000.000 đ (Mười một tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn).

Trong đó: - Cổ phần nhà nước : 3.420.000.000đ (30% giá trị cổ phần)
- Cổ phần khác : 7.980.000.000đ (70% giá trị cổ phần)

- 🚩 Ngày niêm yết có hiệu lực: 08/12/2006
- 🚩 Ngày chính thức giao dịch: 25/12/2006

+ Các sự kiện khác:

- Được hưởng chế độ ưu đãi thuế TNDN như sau:

- 🚩 Được áp dụng thuế suất 15% đến hết năm 2009
- 🚩 Được giảm 50% thuế TNDN phải nộp đến hết năm 2008
- 🚩 Được giảm tiếp 50% thuế TNDN phải nộp của 02 năm tiếp theo 2009-2010 (Do được cấp phép niêm yết trên thị trường Chứng khoán tháng 12 năm 2006)

- Ngày 16 tháng 09 năm 2008 Sở GDCK TP HCM Quyết định chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung số Cổ phần phát hành thêm với nội dung như sau:

- 🚩 Loại Chứng Khoán: Cổ phiếu phổ thông
- 🚩 Mã Chứng Khoán: SDN
- 🚩 Mệnh giá: 10.000đ
- 🚩 Số lượng Cổ phiếu niêm yết bổ sung: 209.641 cổ phiếu
- 🚩 Tổng trị giá niêm yết : 2.096.410.000đ (Hai tỷ chín mươi sáu triệu bốn trăm mười ngàn đồng chẵn)

- Ngày 22 tháng 09 năm 2008, Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3.

🚩 Tổng vốn điều lệ: 13.496.410.000đ (Mười ba tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm mười ngàn đồng)

Trong đó: - Cổ phần nhà nước : 4.049.280.000 đồng (30% giá trị cổ phần)
- Cổ phần khác : 9.444.820.000 đồng (70% giá trị cổ phần)

- Ngày 14 tháng 09 năm 2010 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4.

🚩 Tổng vốn điều lệ: 15.182.180.000đ (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

Trong đó: - Cổ phần nhà nước : 4.555.440.000 đồng (30% giá trị cổ phần)
- Cổ phần khác : 10.626.740.000 đồng (70% giá trị cổ phần)

- Ngày 28 tháng 12 năm 2012 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5.

🚧 Tổng vốn điều lệ: 15.182.180.000đ (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

Trong đó: - Cổ phần nhà nước : 4.555.440.000 đồng (30% giá trị cổ phần)
- Cổ phần khác : 10.626.740.000 đồng (70% giá trị cổ phần)

- Ngày 5 tháng 4 năm 2014 Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6.

🚧 Tổng vốn điều lệ: 15.182.180.000đ (Mười lăm tỷ một trăm tám mươi hai triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)

Trong đó: - Cổ phần nhà nước : 4.555.440.000 đồng (30% giá trị cổ phần)
- Cổ phần khác : 10.626.740.000 đồng (70% giá trị cổ phần)

3/- Ngành, nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

- Ngành, nghề kinh doanh:

🚧 Sản xuất, kinh doanh sản phẩm về sơn, keo.

🚧 Xuất nhập khẩu nguyên liệu và sản phẩm liên quan tới sơn và keo.

🚧 Sản xuất, kinh doanh bột trét tường

🚧 Dịch vụ thi công về sơn.

- Địa bàn kinh doanh:

Hệ thống phân phối Khu vực nội địa: Hiện nay, Công ty đã chính thức giao dịch, kinh doanh với 90 công ty, cửa hàng, đại lý phân bố từ Nghệ An trở vào bao gồm tại các khu vực:

🚧 Đông Nam Bộ (TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bình Dương, Tây Ninh..)

🚧 Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (Đắk Lắk, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận..)

🚧 Tây Nam Bộ (Tiền Giang, Cần Thơ, Long An, Sóc Trăng...)

Khu vực hợp tác: Công ty thực hiện việc sản xuất gia công các sản phẩm sơn cho các đối tác là các tập đoàn sản xuất sơn hàng đầu trên thế giới: AKZONOBEL (HÀ LAN) VÀ PPG (HOA KỲ). Sơn được sử dụng cho các công trình, thiết bị có yêu cầu kỹ thuật và chất lượng cao như giàn khoan dầu khí, tàu biển, điện thoại di động, xe máy....

MỘT SỐ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



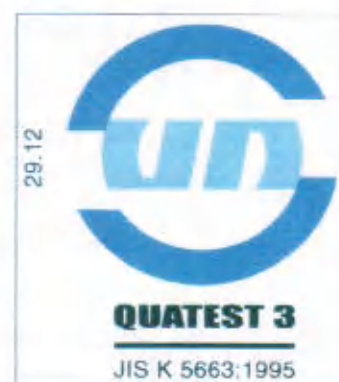
CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM



Chứng Nhận Hệ Thống Quản Lý
Chất Lượng ISO 9001:2008



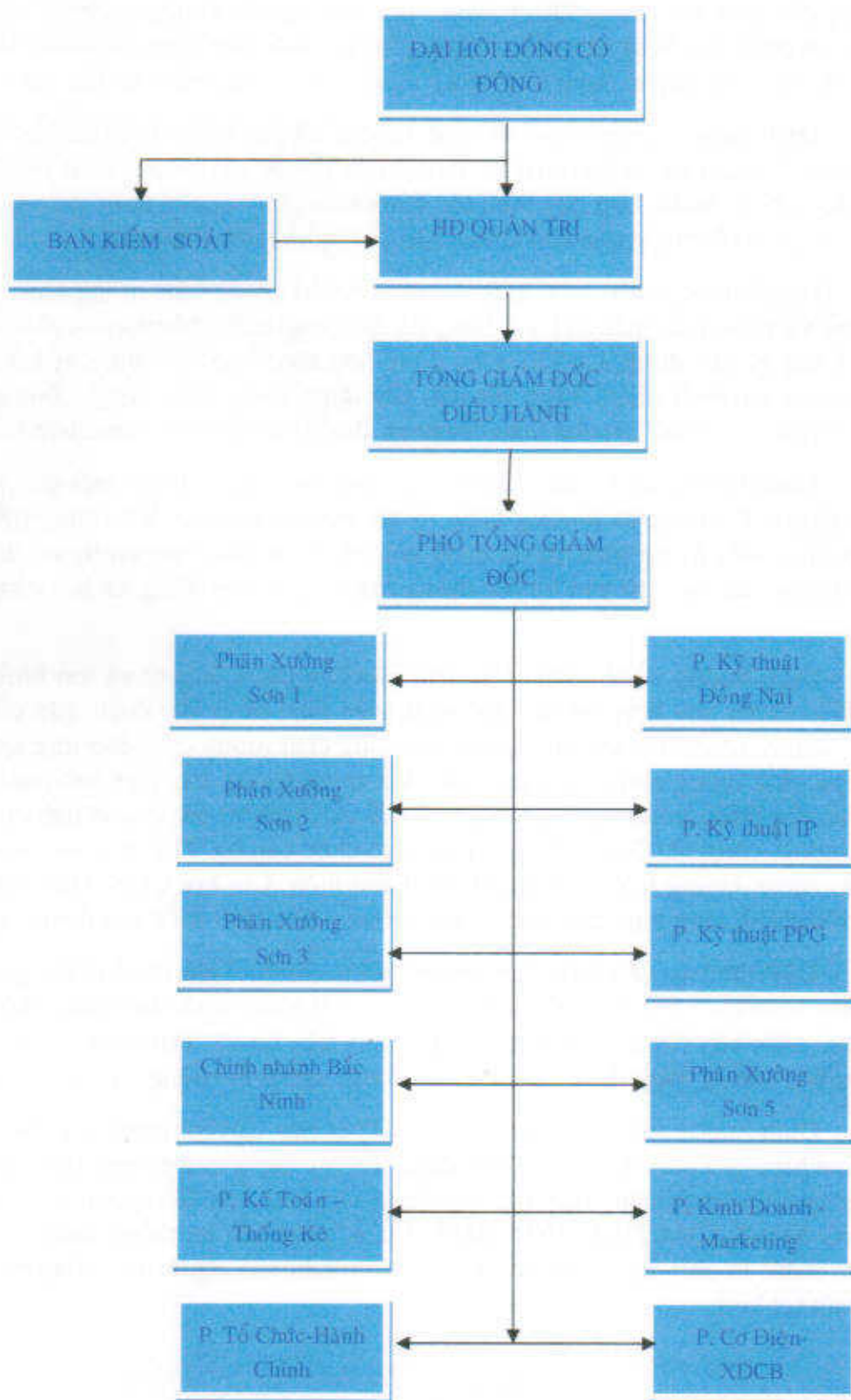
Chứng Nhận Hợp Quy
No. 32-13



Chứng Nhận Hợp Chuẩn
JIS K 5663:1995

4/- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

+ Mô hình quản trị: CÔNG TY CỔ PHẦN



5/- Định hướng phát triển

- Định hướng chiến lược phát triển sản phẩm: Cơ cấu lại dòng sản phẩm ở khu vực sản xuất nội địa, tăng tỉ trọng khu vực này. Bên cạnh việc phát triển dòng sản phẩm chủ lực, mũi nhọn, sẽ tập trung phát triển đa dạng các dòng sản phẩm có thương hiệu đáp ứng cho mọi đối tượng khách hàng. Ưu tiên nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới trên cơ sở đánh giá đúng nhu cầu xã hội, phù hợp với khả năng tài chính và các nguồn lực sẵn có theo hướng áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất.

- Định hướng chiến lược về chất lượng: Khẳng định định hướng sản xuất sản phẩm chất lượng cao, thống nhất hệ thống tiêu chuẩn sản phẩm, đảm bảo toàn bộ sản phẩm được hợp chuẩn, hợp quy theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế. Sơn Đồng Nai cam kết mang đến cho khách hàng sản phẩm tốt nhất.

- Định hướng chiến lược kinh doanh: Duy trì ổn định hệ thống phân phối để làm nền tảng và phát triển mạng khách hàng dự án, công trình thông qua các nhà phân phối là các Công ty xây dựng, Cơ khí. Chủ động hợp tác bằng hình thức liên minh, liên kết với các nhà sản xuất nhóm hàng vật liệu xây dựng trong khối Tổng Công ty Sonadezi, các đơn vị tư vấn, thiết kế, nhà thầu để tạo ra chuỗi liên kết bền vững, hợp tác lâu dài.

- Định hướng chiến lược phát triển thương hiệu: Thông qua các phương tiện truyền thông để quảng bá thương hiệu, uy tín trên thị trường. Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu thống nhất và đa dạng hóa các hoạt động truyền thông tiếp thị, trong đó tập trung vào vai trò của truyền thông mạng, các hoạt động xã hội cộng đồng, báo chí.

- Định hướng về tổ chức: Cấu trúc tổ chức của Công ty và mô hình quản lý sẽ được điều chỉnh phù hợp với quy mô phát triển theo từng giai đoạn, căn cứ vào đó để chủ động quy hoạch và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng cho mục tiêu phát triển trong tương lai. Tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của doanh nghiệp, trong công tác tư tưởng, công tác đoàn thể và công tác tổ chức cán bộ. Phát huy vai trò của tổ chức đoàn thể quần chúng (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Chi hội CCB, Ban Nữ công...) tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển của doanh nghiệp.

- Định hướng về chiến lược quản trị tài chính: Tiêu chuẩn hóa quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo hiệu quả tài chính ngắn hạn đồng thời hướng đến việc phát triển bền vững về dài hạn của Công ty trên cơ sở “cân bằng” và hài hòa lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông, người lao động và cộng đồng.

- Định hướng văn hóa doanh nghiệp: Phát huy truyền thống đoàn kết, hợp tác để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị nội bộ và xây dựng môi trường làm việc thân thiện và thật sự chuyên nghiệp. Tiếp tục xây dựng văn hóa Sơn Đồng Nai dựa trên 3 trụ cột **“NĂNG SUẤT-CHẤT LƯỢNG-HIỆU QUẢ”**, cải tiến hệ thống chính sách, quy chế nội bộ, chăm lo cho đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong Công ty ngày một tốt hơn.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2014

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính (đồng)	Kế hoạch
01	Doanh thu	Triệu	100.000
02	Lợi nhuận (Trước thuế)	Triệu	6.000
03	Nộp ngân sách	Triệu	20.000
04	Tiền lương thu nhập bq	Triệu	7,0
05	Tổng sản lượng	Tấn	13.000
06	Cổ tức dự kiến chia	%	15

6/- Các rủi ro trong quá trình hoạt động SXKD.

- Rủi ro do môi trường kinh doanh: Khủng hoảng kinh tế, lạm phát, sự trì trệ của thị trường bất động sản.

- Biện pháp quản trị: Theo dõi sát tình hình chính trị, kinh tế thế giới ở từng thời điểm cộng với trực giác nhạy bén để có quyết sách phù hợp. Trên cơ sở đó tranh thủ nắm bắt cơ hội, tìm được thuận lợi ngay trong khó khăn.

- Rủi ro do luật pháp: Rủi ro tranh chấp, kiện tụng với người lao động, các nhà cung ứng, khách hàng hoặc chính quyền sở tại

⚡ Biện pháp quản trị : Kiểm tra các mâu thuẫn trong các điều khoản, giới hạn trách nhiệm, quy định rõ ràng trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và giải quyết tranh chấp hợp đồng với NLD (nếu có), giải quyết quyền lợi một cách thỏa đáng. Có nhân viên Pháp chế của công ty nhằm cập nhật một cách hệ thống, chính sách pháp luật của Nhà nước đảm bảo cho việc quản lý các hoạt động giao dịch trong đó đặc biệt là công nợ đối với nhà cung ứng, khách hàng được chặt chẽ, ban hành các quy định liên quan tới việc điều hành, quản lý, các chế độ chính sách để mọi người lao động hiểu biết và tuân theo. Thực hiện đúng các quy định của chính quyền, cơ quan chức năng, tạo sự minh bạch trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Sơn Đồng Nai nhằm mang lại niềm tin cho đối tác và khách hàng.

- Rủi ro do từ sự biến động giá cả nguyên liệu: Chi phí tăng do giá nguyên liệu cao

⚡ Biện pháp quản trị : Luôn duy trì tối thiểu ba nhà cung ứng để hạn chế sự độc quyền. Dự báo được điểm rơi của giá nguyên liệu để có phương án dự trữ tốt nhất.

- Rủi ro từ trong nội bộ: Sai lầm trong chiến lược kinh doanh; thiếu đoàn kết nội bộ; quản trị không hiệu quả.

⚡ Biện pháp quản trị: Xây dựng hệ thống các điều lệ, hướng dẫn, quy tắc, quy chế, thông lệ quản lý. Duy trì hiệu quả và thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng.

- Rủi ro do hỏa hoạn

⚡ Biện pháp quản trị: Phân tán rủi ro: Bố trí các kho không tập trung. Mua bảo hiểm hỏa hoạn. Làm tốt công tác Phòng cháy chữa cháy, Bảo hộ lao động. Xây dựng thêm hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động. Hằng năm có chương trình đào tạo, huấn luyện, thực tập công tác PCCC cho lực lượng PCCC tại chỗ

II- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2013:

1/- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1/- Kết quả sản xuất, kinh doanh 2013:

1.1.1/- Các chỉ tiêu kinh tế đã thực hiện:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TH/KH (%)	TH/NT (%)
1	Giá trị tổng sản lượng	Triệu	299.102	344.926	115%	109%
2	- Doanh thu	Triệu	92.000	116.155	126%	124%
3	- Sản lượng	Tấn	12.600	13.960	111%	108%
4	- Lợi nhuận (Trước thuế)	Triệu	5.500	8.940	163%	102%
5	- Nộp ngân sách (phải nộp)	Triệu	18.500	27.580	149%	108%
6	- Thu nhập bq/người/tháng	Triệu	5.7	6.7	117%	103%

1.1.2/- Phân tích về cơ cấu sản phẩm:

- Tổng sản lượng đạt : 13. 960 tấn;111% TH/KH ;108%TH/NT

- Sơn Alkyd	592 tấn	109%/NT
-------------	---------	---------

- Sơn nước	1.806 tấn	111% NT
------------	-----------	---------

- Bết trét tường	3.872 tấn	109/%NT
------------------	-----------	---------

- Sóng IP	3.356 tần	108%NT
-----------	-----------	--------

- Sơn AN	728 tấn	81% NT
----------	---------	--------

- Sốn PPG	3337 tần	115% NT
-----------	----------	---------

(PPG AMATA 2.426 tấn - PX1 321 tấn PPG BẮC NINH 590 tấn)

1.2/- Đặc điểm tình hình

1.2.1/- Thuận lợi :

- Hoạt động của Doanh nghiệp được sự quan tâm, chỉ đạo của HĐQT Tổng Công Ty Phát Triển Khu Công Nghiệp, sự hỗ trợ, giúp đỡ của các Công Ty thành viên trong sử dụng các loại sản phẩm Sơn Đồng Nai.

- Sản phẩm Sơn Đồng Nai- Thương hiệu DONASA đã đáp ứng được nhu cầu chất lượng ngày càng cao của các công trình, thuộc mọi đối tượng khách hàng nên ngày càng có chỗ đứng vững chắc trên thị trường.

- Thương hiệu Sơn Đồng Nai- Trình độ công nghệ, tính chuyên nghiệp gắn với tên tuổi của 2 Tập đoàn Đa quốc gia hàng đầu trên thế giới về sản xuất SƠN là AKZO NOBEL Hà Lan và PPG Hoa kỳ.

- Cán bộ CNV trên từng vị trí công tác có trách nhiệm. Các tổ chức, đoàn thể trong Công Ty đã hoạt động tốt, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, góp phần quan trọng vào kết quả SX-KD năm 2013.

1.2.2/- Khó khăn :

- Trong năm 2013, mặc dù Chính phủ đã có những chính sách, giải pháp để vực dậy thị trường bất động sản như triển khai gói tín dụng 30 ngàn tỉ, giảm lãi suất cho vay...nhưng vẫn là một năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam.

- Nhiều dự án bất động sản, công trình bị ngưng trệ, tạm dừng. Đặc biệt là các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, kinh tế khó khăn kéo theo nhu cầu về xây dựng nhà ở tư nhân cũng giảm mạnh làm cho ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói chung và ngành sản xuất sơn nói riêng gặp rất nhiều khó khăn.

- Thị trường ngành sơn cạnh tranh gay gắt, các công ty sản xuất sơn trong nước cũng như nước ngoài tăng mạnh cả về số lượng và chất lượng, đua nhau chiếm lĩnh thị trường.

- Sản xuất của Công ty còn phụ thuộc nhiều vào 3 Đối tác nước ngoài nên việc thực hiện các chỉ tiêu kinh tế quan trọng từ hoạt động Sản xuất kinh doanh của Công ty thường luôn bị động.

2/- Tổ chức và nhân sự .

2.1/- Danh sách Ban điều hành.

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
01	Trịnh Minh Trương	CT.HĐQT-Tổng Giám đốc	01/01/2013	
02	Hoàng Thuyền	Phó CT.HĐQT-P. Tổng Giám đốc	01/01/2013	

2.1.2/- Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Điều hành.

- Tóm tắt lý lịch cá nhân ông Trịnh Minh Trương

Họ và tên : TRỊNH MINH TRƯỞNG
Giới tính : Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 19/5/1960
Nơi sinh : Hải Dương
CMND : 271296059 Ngày cấp: 12/12/2012, Nơi cấp: CA Tỉnh ĐNai
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 40A Tổ 14 KP.4 Phường Tân Phong TP.Biên Hòa
Số điện thoại liên lạc : 0913872596
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Khoa học, ngành Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác :

- Thời gian phục vụ trong Quân đội từ 11/1978 - 12/1990
- Cấp bậc cao nhất Đại úy
- Chức vụ cao nhất Chính trị viên Tiểu đoàn trong chiến đấu
- Chức vụ trong Đảng - Bí thư Đảng Ủy Bộ Phận
- Thời gian làm việc tại Công ty CP Sơn Đồng Nai.
- Từ 01/1991 - 02/1993 : Công nhân trực tiếp sản xuất NM Sơn Đồng Nai
- Từ 03/1993 - 02/2000 : TP.TC-HC Nhà Máy Sơn Đồng Nai
- Từ 02/2000 - 12/2011 : TP.TC-HC Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai
- Từ 01/2012 đến 31/12 : Phó Giám Đốc Cty CP Sơn Đồng Nai
- Từ 1/2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Cty CP Sơn Đồng Nai
- Chức vụ trong Đảng; : BT Chi Bộ Cty CP Sơn Đồng Nai

Các chức vụ tại tổ chức khác : Chủ tịch Hiệp hội Sơn Mực in Việt Nam

Số CP nắm giữ tại Cty CP Sơn Đồng Nai (tại thời điểm 31/12/2013) : 5,394 cổ phần chiếm 0,35% vốn điều lệ

+ Đại diện chủ sở hữu : 303.696 (tại thời điểm 31/12/2013) cổ phần chiếm 20% vốn điều lệ :

+ Sở hữu CP tại tổ chức khác : 123.412

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ

cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Những khoản nợ đối với Công Ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công Ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : Không

- Tóm tắt lý lịch cá nhân ông Hoàng Thuyền

Họ và tên : HOÀNG THUYỀN
Giới tính : Nam
Ngày, tháng, năm sinh : 18/02/1968
Nơi sinh : Thừa Thiên Huế
CMND : 271594757 Ngày cấp : 19/01/2000, Nơi cấp : CA Tỉnh ĐNai
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 354/A2 Nhị Hòa, Hiệp Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn : Cử nhân hóa
Quá trình công tác :

- Thời gian làm việc tại Công ty CP Sơn Đồng Nai.
- Từ 03/1993 - 03/2000 : Nhân viên kỹ thuật NM Sơn Đồng Nai
- Từ 03/2000 - 07/2004 : Phó Quản Đốc PX 1 Công ty CP Sơn Đồng Nai
- Từ 07/2004 - 6/2005 : Quản Đốc PX1 Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai
- Từ 06/2005 - 12/2012 : Quản Đốc PX3 Cty Cổ phần Sơn Đồng Nai
- Từ 1/2013 đến nay : P. Chủ tịch HĐQT, P. Tổng Giám đốc Cty CP Sơn ĐN
- Chức vụ trong Đảng : PBT Chi Bộ Cty CP Sơn Đồng Nai

Các chức vụ tại tổ chức khác : Không

Số CP nắm giữ tại Cty CP Sơn Đồng Nai (tại thời điểm 31/12/2013) : 666 cổ phần chiếm 0,004% vốn điều lệ

Các cam kết nắm giữ (nếu có)

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

Những khoản nợ đối với Công Ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công Ty : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công Ty : Không

2.1.3 Kế toán trưởng, người CBTT

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
01	Trương Đình Dũng	Kế toán trưởng	01/03/2013
02	Nguyễn Văn Linh	Công bố thông tin	01/09/2012

2.1.4 Số lượng cán bộ, nhân viên.

Số TT	Chỉ Tiêu	Tính đến 31/12/2012	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
01	Lao Động đã qua đào tạo Đại Học và trên Đại Học	45	21,0
02	Trung cấp, Cao Đẳng	50	23,0
03	Lao Động phổ thông	121	56,0
	Tổng cộng	216	100,0

3/- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3.1/- Đầu tư và xây dựng cơ bản: Đến 31/12/2013 là: **1.594 triệu đồng**

Trong đó: - Máy móc, thiết bị : 709 triệu đồng
 - Phương tiện vận tải : 271 triệu đồng
 - Xây dựng cơ bản : 614 triệu đồng

3.2/- Đầu tư tài chính :- Đến 31/12/2013, Vốn góp đầu tư: 5.019 triệu đồng

Trong đó : - Cty CP Sonadezi Châu Đức : 4.200 triệu - 420.000CP
 - Cty CP Đầu tư Nhơn Trạch : 819 triệu - 81.900CP

4/- Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Tăng/giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	53.505.098.297	42.003.360.459	27,3
Doanh thu thuần	108.799.706.828	92.460.291.936	17,6
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.843.710.729	8.545.470.731	3,4
Lợi nhuận khác	121.089.587	181.424.825	-33
Lợi nhuận trước thuế	8.964.800.316	8.726.895.556	2,7
Lợi nhuận sau thuế	6.694.595.889	7.247.642.001	-8

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,5	1,9	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,1	1,3	

2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,5	0,3	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,9	0,6	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	7,2	7,0	
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,0	2,2	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,6	0,8	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,2	0,3	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,1	0,2	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,08	0,09	

5/- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Loại Cổ phần

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 15.182.180 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 15.182.180 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông

Chỉ Tiêu	SL người sở hữu	SL CK sở hữu	Tỉ lệ (%)
1	2	3	4
1. Cổ đông lớn	5	923.893	61
2. Cổ đông nhỏ	337	594.325	39
3. Trong Nước	321	1.197.842	79
a. Cá nhân	295	575.749	38
b. Tổ Chức	26	622.093	41
3. Nước ngoài	21	320.376	21
a. Cá nhân	19	314.834	21
b. Tổ Chức	2	5.542	0.3
4. Cổ đông Nhà nước	1	455.544	30
5. Cổ đông khác	241	1.062.674	70

- a) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (Không thay đổi)
- b) Giao dịch cổ phiếu quỹ: (Không thực hiện)
- c) Các chứng khoán khác: (Không có)

III/- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1/- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

1.1/- Đối với Công tác Kinh doanh:

- Sản phẩm SƠN ĐỒNG NAI-DONASA đã có mặt trên 26 Tỉnh, thành với hệ thống 56 cửa hàng, đại lý và 31 Công ty Xây Dựng, Cơ khí chính thức giao dịch với Công ty.

- Kế hoạch Quảng bá thương hiệu Sản phẩm, củng cố hệ thống phân phối. Năm 2013 phát triển 5 Đại lý, 6 Cửa hàng và 8 Công ty tiêu thụ hàng Sơn Đồng Nai.

- Hoạt động kiểm soát đầu vào - Thực hành tiết kiệm luôn được đặc biệt quan tâm. Việc lựa chọn ổn định được 3 nhà cung cấp đối với những vật tư chiến lược đã được chú trọng. Tiết kiệm đầu vào năm 2013: Titan gần 450Triệu, Bao bì Alkyd 294Triệu, nguyên liệu khác 33Triệu.

- Kế hoạch tiếp thị tổng thể cho năm 2013 đã được triển khai bao gồm: Hệ thống phân phối, Các Công ty Xây dựng, các Công ty thuộc ngành chế tạo cơ khí. Hoạt động chăm sóc khách hàng là các Cửa hàng, Đại lý theo đúng kế hoạch 1 năm từ 2 đến 3 lần đã duy trì thực hiện.

- Năm 2013 đã tổ chức thành công 3 chương trình khuyến mại Thường du lịch Phú Quốc; Hitech; Alkyd và Bọt trét tường đã tạo được doanh thu và tạo mối quan hệ tốt giữa Công ty với các Đại lý, cửa hàng.

- Trong hoạt động bán hàng, thu tiền đã từng bước được kiểm soát chặt chẽ. Việc bố trí nhân lực tham gia vào thu hồi nợ khó đòi đã có quy định cụ thể và có những kết quả nhất định.

- Đã cùng với các bộ phận chuyên môn, tham mưu cho BGD giải quyết một khối lượng công việc rất lớn đề trang bị máy pha màu cho các cửa hàng, Đại lý. Năm 2013 đã bàn giao 4 máy pha màu cho đại lý tại Lâm Đồng, Bình Thuận, Đà Nẵng và Cà Mau, đúng như kế hoạch HĐQT và BKS đặt ra.

1.2/- Đối với Công tác kỹ thuật :

- Đã thực hiện chức năng giám sát chất lượng, kiểm tra chỉ tiêu kỹ thuật đối với 5 khu vực sản xuất, với cơ cấu hàng trăm loại sản phẩm thuộc nhiều hệ Sơn khác nhau song không để lọt sản phẩm không đạt chỉ tiêu kỹ thuật đến với khách hàng.

- Năm 2013 các Phòng Kỹ thuật ở các khu vực hợp tác IP, PPG đã phối hợp chặt chẽ với các Phân xưởng trong phục vụ sản xuất để đảm bảo tiến độ giao hàng, đáp ứng yêu cầu của Đối tác và phục vụ bán hàng.

- Đối với Sản phẩm sơn nội địa Thương hiệu DONASA của Công ty: Đã được cấp Giấy Chứng nhận hợp quy theo quy định Thông tư số 11/2011/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Bộ Xây dựng. Sản phẩm DONASA cũng đã được gia hạn Giấy chứng nhận Tiêu chuẩn chất lượng hợp chuẩn JIS K 5663:1995 của Nhật Bản; Giấy Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 của Tổ chức chứng nhận Intertek –Hoa Kỳ.

- Công tác Kỹ thuật trong năm qua cũng đã Xử lý và Giải quyết nhanh chóng các khiếu nại, phản ánh của khách hàng, có những biện pháp khắc phục phòng ngừa kịp thời.

1.3/- Đối với Công tác Kế toán-Thống kê:

- Công tác Kế toán- Thống kê trong năm qua đã đảm bảo nguồn tài chính VND, USD trong thanh toán nội bộ cũng như trong giao dịch với các đối tác nước ngoài.

- Trong xử lý, phân tích, tổng hợp các số liệu kinh doanh luôn kịp thời. Số liệu tháng, quý đều phản ánh kịp thời vào những ngày từ 2-12 hàng tháng. Qua đó đã giúp cho Lãnh đạo Công ty đưa ra các chính sách, kế hoạch hợp lý.

- Từ kết quả Kiểm toán tài chính, thông qua hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát. Công tác Kế toán đã thực hiện đúng chức năng Kế toán Tài chính theo Quy chế tài chính của Công ty, thông qua đó mọi nghiệp vụ kế toán phát sinh, hoạt động chi tiêu đảm bảo đúng nguyên tắc.

- Đã phát huy được chức năng của Kế toán quản trị trong hoạt động tài chính: bán hàng thu tiền, thu hồi các khoản nợ từ khách hàng, các đối tác. Đã giảm được mức chi phí lãi vay ngân hàng từ 870 triệu năm 2012 xuống 450 triệu năm 2013, trong điều kiện sản xuất kinh doanh mở rộng, nhu cầu vốn lưu động gia tăng.

1.4/- Đối với Công tác CD-XDCB :

- Công tác Bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị của toàn Công ty đã có Kế hoạch hàng tháng- quý giúp cho hoạt động sản xuất của các phân xưởng không bị ách tắc. Các quy định an toàn về Điện tại Công ty, nhà máy ở AMATA và Bắc Ninh được kiểm soát chặt chẽ.

- Tất cả những sự cố liên quan đến Hệ thống Điện, máy móc, sự cố mất an toàn liên quan đến thao tác vận hành thiết bị đều được lập biên bản, đưa ra hành động khắc phục phòng ngừa hoặc là ban hành quy phạm an toàn.

- Trong công tác Xây dựng Cơ bản: Năm 2013 chúng ta đã Cải tạo nền của Phân xưởng Sơn 1 với diện tích 700m². Thay mới mái tôn Phân xưởng 1 và 2 diện tích 3000m², Cải tạo lại Hội trường nhà ăn tập thể, khu vực văn phòng. Cải tạo Khu vực dự trữ nước cứu hỏa lên 125m³ cho toàn Cty, ngoài ra còn chỉnh trang nhà xưởng, hành lang lối đi...vv

1.5/- Đối với Công tác sản xuất :

- Năm 2013 đạt sản lượng 13.960 tấn SƠN các loại- tăng 1000 tấn sơn các loại, so với năm 2012. Đây là nỗ lực rất lớn của CB- CNV thuộc khu vực sản xuất ở 5 phân xưởng, trong đó đáng chú ý là Phân xưởng sơn 1, 2, 3.

- Hoạt động khai thác Máy móc thiết bị, quản lý công cụ dụng cụ làm việc, bố trí lao động hợp lý đã đảm bảo tiến độ sản xuất và giao hàng. Cùng với tinh thần làm việc chăm chỉ, tích cực tăng ca làm thêm giờ của CB-CNV nên đã tạo ra năng suất lao động, tăng sản lượng như nêu ở trên.

- Đặc biệt lần đầu tiên năng suất lao động đã đạt được những đỉnh cao như PX.Sơn 1: Sơn nước: 172.212 lít/tháng 1, Bột trét: 431 tấn/tháng 12; PX.Sơn 2 : 374.000 lít/tháng 10;

- Trong hoạt động thực hành tiết kiệm vật tư: Tại các Phân xưởng, công đoạn sản xuất, đã hạn chế tình trạng rơi vãi trong chắt rót vật tư nguyên liệu lỏng, sử dụng past màu...vv.

- Năm 2013, tại các phân xưởng đã có Quy định rõ những khu vực chức năng, nơi để công cụ, phương tiện phòng hộ cá nhân, tạo điều kiện cho công nhân chấp hành toát, giúp cho các khu vực sản xuất luôn sạch sẽ, an toàn-Đây là tiến bộ rất lớn ở các phân xưởng sản xuất.

1.6/- Đối với Công tác Tổ chức-Hành chính :

- An ninh chính trị, trật tự an toàn trong và ngoài Công ty được duy trì, giữ vững. Việc thực hiện các chế độ quy định của Công ty, các quy định pháp luật trong quan hệ lao động, các quy định an toàn trong tổ chức sản xuất và các đảm bảo đời sống khác đã được chú trọng chăm lo.

- Công ty đã hoàn thành công tác quy hoạch đến năm 2020. Trong hoạt động đề bạt bổ nhiệm được thực hiện công khai, dân chủ. Đặc biệt đã thực hiện tốt công tác bàn giao và chuyển giao các chức danh chủ chốt trong HĐQT – BGĐ, trong thời gian qua đã đảm bảo cho mọi hoạt động của Công ty diễn ra bình thường.

- Công tác tuyển dụng lao động đáp ứng cho yêu cầu tổ chức và nhân lực cho sản xuất được chú trọng. Trong năm 2013 tuyển dụng thêm 43 người (Đại học : 04 , Cao đẳng, Trung cấp : 05, Lao động phổ thông : 34)

- Công tác tổ chức hành chức đã tham mưu và giúp việc đắc lực cho BGĐ trong công tác Đảng - Đoàn và các công việc của HĐQT- BGĐ. Từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản Quy chế Công ty theo đúng các quy phạm pháp luật.

1.7/- Hoạt động của Chi nhánh Bắc Ninh:

- Chi nhánh hoạt động ở xa Công ty, đây vừa là thiệt thòi, thách thức khó khăn cho cả Công ty và anh em ở Chi nhánh trong quản lý điều hành. Bản thân CB- CNV tại Chi nhánh đã nêu cao tinh thần tự giác, chủ động trong công việc.

- Sản phẩm sản xuất Chi nhánh cung cấp cho các tập đoàn Đa quốc gia là Honda, Piaggio, Fujiton có yêu cầu cao về chất lượng nhưng không có tình trạng sản phẩm không đảm bảo chất lượng.

- CB-CNV chủ động xử lý công việc và thực hiện tốt chế độ báo cáo. Đặc biệt những hoạt động cần thực hiện theo ngành dọc với các bộ phận chuyên môn của Công ty đã từng bước đi vào nề nếp.

- Công tác quản lý Nhà máy, máy móc thiết bị, phương tiện làm việc luôn được sạch sẽ ngăn nắp. Ngoài ra đã thực hiện tốt các yêu cầu về bảo hộ lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, đặc biệt không để tai nạn lao động xảy ra.

8/- Hoạt động của các Ban, Tổ, Hội đồng bán chuyên trách :

- Công ty hiện có Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng tiền lương, Hội đồng thi đua khen thưởng-kỷ luật, Hội đồng sáng kiến, Hội đồng hoà giải, Ban ISO, Ban bảo vệ môi trường, Tổ đánh giá 5S, Tổ Phòng cháy chữa cháy, Đội Ứng phó sự cố hóa chất, Mạng lưới an toàn vệ sinh viên,...vv.

- Trong năm 2013 những Tổ chức thành phần trên được được thường xuyên kiện toàn tổ chức lại và hoạt động có kết quả, thông qua đó đã góp phần cho hoạt động của Công ty từng bước đi vào nề nếp, đáp ứng cho những mục đích yêu cầu về tổ chức của doanh nghiệp.

9/- Các hoạt động khác :

- Công tác phòng chống cháy nổ: Đã giữ gìn được Nhà máy ở cả 3 khu vực (KCN Biên Hòa 1, KCN AMATA, KCN Yên Phong-Bắc Ninh) tuyệt đối an toàn và đặc biệt đã giải quyết dứt điểm tình trạng hút thuốc lá trong Công ty, mang điện thoại vào khu vực sản xuất. Ý thức chấp hành PCCN của CB-CNV trong tình hình sản xuất căng thẳng của năm 2013 là rất tốt.

- An toàn vệ sinh lao động trong Công ty đã được chú trọng ở tất cả các cấp lãnh đạo quản lý. Ý thức tự giác trong việc sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân, trong sản xuất làm việc đã được cán bộ, CNV lao động quan tâm và chấp hành.

- Công tác bảo vệ môi trường: CB- CNV đã ý thức được về vị trí, ý nghĩa của phân loại rác tại nguồn. Nhà máy đang từng ngày trở lên sạch đẹp, ý thức bảo vệ môi trường, nơi làm việc, rác để đúng nơi quy định đã được CB-CNV chấp hành nghiêm túc.

- Công tác thi đua khen thưởng: Năm 2013 là năm có rất nhiều chuyển biến về hoạt động thi đua. Thông qua các hoạt động tổ chức phát động thi đua, các hình thức khen thưởng kịp thời (đột xuất và định kỳ). Trong năm, Công ty đã tổ chức thành công 2 chương trình thi đua: “ Chào mừng Kỷ niệm thành lập Công ty CP Sơn Đồng Nai 01/03, Thống nhất Đất nước, Quốc tế Lao động; Thi đua kỷ niệm ngày Quốc khánh, thành lập Nhà Máy Sơn Đồng Nai 23/10”. Công tác bình xét thi đua ngày càng đi vào nề nếp, dân chủ nên đã tạo ra không khí hồ hởi, tích cực làm việc trong CB-CNV.

- Chăm lo đời sống vật chất, văn hóa tinh thần người lao động: Năm 2013 tiền lương thu nhập được nâng cao, môi trường làm việc được cải thiện. Đặc biệt sau rất nhiều năm Công ty đã tổ chức thành công 1 kỳ đi nghỉ cho CB-CNV và gia đình CNV tại Đà Lạt. Một đặc biệt nữa đã tổ chức cho CB-CNV ở Bắc Ninh đi nghỉ ở Miền Nam và về thăm Công ty.

- Công tác bảo vệ sức khỏe người lao động: Qua kiểm tra tổng quát và kiểm tra bệnh nghề nghiệp, 100% số người lao động có tiếp xúc với môi trường có yếu tố độc hại nhưng không có trường hợp nào bị phơi nhiễm độc.

- Trong năm 2013 Công ty cũng đã tạo điều kiện tốt nhất cho các đoàn thể chính trị: CD, ĐTN, CHCCB, Chi Bộ đảng phát huy đúng chức năng nhiệm vụ, cũng như phát huy vai trò lãnh đạo. Tất cả các Đoàn thể của Cty trong năm 2013 đều đạt Vững mạnh và trong sạch vững mạnh.

1.10/- Kết quả xây dựng Thương hiệu Văn hóa Doanh nghiệp:

- Tác phong của CB-CNV khi ra vào Công ty đã mặc đồng phục những ngày qui định thứ 2, 4 và 7. Trong hoạt động sản xuất 100% Công nhân đã sử dụng đúng phương tiện phòng hộ cá nhân.

- Việc chấp hành thời giờ làm việc, nghỉ ngơi được CB-CNV chấp hành đúng các qui định của Công ty; Văn hoá trong ứng xử, phát ngôn cũng có nhiều chuyển biến.

- Văn hoá trong phát huy giữ gìn truyền thống đã có những chuyển biến. Lần đầu tiên chúng ta tổ chức một cuộc thi tìm hiểu về Truyền thống Cty có 100% đối tượng người tham dự.

- Về đời sống tinh thần cho CB-CNV: Công ty và các Đoàn thể đã tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, ngoài ra còn có tham gia các giải : Cầu lông, bóng đá, bóng chuyền, việt dã, thi hát văn nghệ do Tổng Công Ty Sonadezi tổ chức phát động.

1.11/- Tham gia các hoạt động cộng đồng đền ơn đáp nghĩa :

- Công ty hiện đang Phụng dưỡng cho 4 gia đình liệt sĩ ở huyện Nhơn Trạch và Long Thành. Năm 2013 số tiền phụng dưỡng là: 23.140.000đ

- Hưởng ứng chương trình “Vạn tấm lòng vàng” của Tổng Công ty phát triển khu Công Nghiệp SONADEZI khởi xướng phát động. Năm 2013 Cty đã tham gia xây dựng 2 nhà tình thương, giá trị: 60.000.000đ.

- Ngoài ra, CB-CNV Cty còn hỗ trợ 10 hội người khiếm thị trên toàn tỉnh. Số tiền: 10.000.000đ, tham gia các chương trình ủng hộ khác thông qua việc trích lương tháng của CB-CNV khi có yêu cầu với số tiền: 51.800.000đ.

2/- Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Tổng nguồn vốn: 53.505.098.297đ

- Việc sử dụng các nguồn vốn theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên, dưới sự chỉ đạo giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nên nguồn vốn được sử dụng một cách hợp lý và an toàn, không xảy ra bất kỳ rủi ro nào.

- Về tình hình nợ xấu: Căn cứ Báo cáo kiểm toán năm 2013, tổng số nợ xấu, nợ khó đòi là 3.378.930.615đ, khoản nợ này đã được trích dự phòng nợ phải thu khó đòi, đồng thời Công ty tích cực làm việc với khách hàng để thu hồi nợ.

b) Tình hình nợ phải trả

- Số nợ phải trả: 26.580.487.545đ

- Đây là các khoản nợ: Đầu tư mua máy móc, thiết bị; mua nhiên, nguyên liệu từ khách hàng; tiền vay ngân hàng... Giá trị các khoản nợ không ảnh hưởng lớn đến tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty.

IV- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY:

1/- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Hội đồng Quản Trị gồm 5 thành viên, trong đó có 3 thành viên trực tiếp tham gia quản lý điều hành Công ty. Trong năm 2013, các Thành viên HĐQT đã tích cực tham gia phối hợp, hỗ trợ Ban Giám Đốc trong điều hành hoạt động SXKD

- Trong năm 2013, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 4 phiên họp để đánh giá tình hình SX-KD, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đều đảm bảo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, có sự tham dự của các Thành viên Ban Kiểm soát, thông qua qua đó tìm được tiếng nói chung giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám Đốc trong hoạt động Giám sát, kiểm tra và lãnh đạo tổ chức điều hành. Nội dung cuộc họp đều được chuẩn bị kỹ, đầy đủ, được chuyển cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát nghiên cứu, trong thảo luận đảm bảo dân chủ nên đã đạt được sự nhất trí, đồng thuận cao.

- Những cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị đã thống nhất và quyết định một loạt vấn đề quan trọng dưới đây:

+ Thông qua Kết quả Sản xuất - Kinh doanh năm 2012 và Kế hoạch Sản xuất - Kinh doanh năm 2013.

+ Thống nhất bổ nhiệm ông Trương Đình Dũng giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty.

+ Thống nhất bổ sung ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh bột trét tường và sửa Điều lệ Công ty.

+ Đề cử ông Hoàng Thuyền - Phó Tổng Giám đốc và ông Nguyễn Đức Nhiên TP.Kinh doanh ứng cử để bầu bổ sung vào Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ III (2010 - 2014).

+ Thống nhất Nội dung chương trình và thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2013.

+ Thông qua Kết quả Sản xuất, Kinh doanh quý I/2013 và Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh quý II/2013.

+ Bầu ông Hoàng Thuyền - Thành viên HĐQT giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT.

+ Thông qua việc chia cổ tức đợt 2 năm 2012: Tỷ lệ 15%/ giá trị mệnh giá cổ phiếu.

+ Thông qua Kết quả Sản xuất - Kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013.

+ Quyết định đưa các khoản nợ khó đòi phát sinh của 19 khách hàng với số tiền: 333.886.504 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm lẻ bốn đồng) ra khỏi Báo cáo tài chính.

+ Thống nhất xin ý kiến HĐQT Tổng CTy Phát triển KCN về việc chi ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 là 10%/giá trị mệnh giá cổ phiếu.

+ Thống nhất gia hạn thời gian hoạt động dự án sản xuất sơn cao cấp PPG tại Chi nhánh Bắc Ninh-KCN Yên Phong đến năm 2018.

+ Thông qua Kết quả Sản xuất, Kinh doanh 9 tháng năm 2013.

+ Chấp thuận đầu tư thêm 01 máy pha màu để trang bị cho Đại lý ở xa, dự toán chi phí khoảng 200 triệu đồng.

+ Chấp thuận việc xây dựng thay mới mái nhà Phân xưởng Sơn 1 và Phân xưởng sơn 2.

+ Chấp thuận cho đầu tư mới nhà kho để chứa nguyên liệu, vật tư khu vực hợp tác IP.

+ Thông qua Kết quả sản xuất-kinh doanh năm 2013 và Kế hoạch sản xuất-kinh doanh năm 2014

+ Hội đồng Quản trị thống nhất việc bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh vào Giấy đăng ký kinh doanh, cụ thể: Xây dựng nhà các loại (mã ngành 4100); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành 4290) và sửa đổi Điều lệ Công ty.

- Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh: Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán cho thấy các chỉ tiêu như tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, thu nhập tiền lương bình quân người lao động đều vượt so với kế hoạch đề ra.

2/- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Năm 2013 là một năm khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành sơn nói riêng nhưng Ban Giám đốc công ty đã trực tiếp chỉ đạo mọi mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cụ thể Ban giám đốc đã chỉ đạo thực hiện một loạt công việc từ tổ chức sản xuất, bán hàng, nhân sự-tiền lương, thu hồi công nợ, tổng kết cuối năm, tổ chức kiểm toán, cải tạo khu vực sản xuất hợp tác với IP, tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, kiện toàn các tổ chức, đoàn thể đi vào hoạt động có hiệu quả, tổ chức cho Cán bộ công nhân viên đi du lịch...

V- QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1/- Hội đồng quản trị

13

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Không tham gia điều hành	Thành viên HĐQT công ty khác	Số CP sở hữu cuối kỳ	
					Số CP	Tỷ lệ nắm giữ
01	Trịnh Minh Trương	Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám Đốc			5,394	0,35%
02	Hoàng Thuyền	P. Chủ tịch HĐQT-P.Tổng Giám Đốc			666	0,040
03	Nguyễn Phi Hùng	Thành viên HĐQT	x		37.508	2,47
04	Vũ Đức Đan	Thành viên HĐQT	x		66.333	4,369
03	Đào Đình Đề	Thành viên HĐQT	x		81.384	5,36
04	Liu Chien Hung	Thành viên HĐQT	x		149.053	9,82
05	Nguyễn Đức Nhiên	Thành viên HĐQT			0	0

Ngày 29 tháng 03 năm 2013, tại kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên năm lần thứ 14 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông đã miễn nhiệm tư cách thành viên HĐQT đối với ông Vũ Đức Đan (do đến tuổi nghỉ hưu) và ông Nguyễn Phi Hùng (vì lý do sức khỏe), Đại hội cũng đã bầu bổ sung ông Hoàng Thuyền-Phó Tổng Giám đốc và ông Nguyễn Đức Nhiên –Trưởng phòng Kinh doanh giữ chức danh Thành viên HĐQT

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Chưa thành lập các tiểu ban)

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Cuộc họp của Hội đồng quản trị trong thời gian từ ngày 01/01-29/03/2013 (01 cuộc họp)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ(%)	Lý do không tham dự
1	Ông Trịnh Minh Trương	Chủ tịch HĐQT, kiêm TGD	01	100	
2	Ông Vũ Đức Đan	TV. HĐQT	01	100	
3	Ông Nguyễn Phi Hùng	TV. HĐQT	01	100	
4	Ông Đào Đình Đề	TV. HĐQT	01	100	
5	Ông Liu Chien Hung	TV. HĐQT	01	100	

Cuộc họp của Hội đồng quản trị trong thời gian từ ngày 30/03-31/12/2013 (03 cuộc họp)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ(%)	Lý do không tham dự
1	Ông Trịnh Minh Trương	Chủ tịch HĐQT, kiêm TGD	03	100	
2	Ông Hoàng Thuyền	Phó CT. HĐQT, kiêm Phó TGD	03	100	
3	Ông Nguyễn Đức Nhiên	TV. HĐQT	03	100	
4	Ông Đào Đình Đề	TV. HĐQT	03	100	
5	Ông Liu Chien Hung	TV. HĐQT	01	30,3%	Bận công tác

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày họp	Nội dung
1	19/2013/NQ-HĐQT	28/02/2013	- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất-kinh doanh năm 2012. - Thông qua kế hoạch sản xuất-kinh doanh năm 2013. - Bổ nhiệm ông Trương Đình Dũng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty. - Hội đồng Quản trị đã xem xét đơn từ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị của ông Vũ Đức Đan và ông Nguyễn Phi Hùng để trình Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị đề cử ông Hoàng Thuyền và ông Nguyễn Đức Nhiên tham gia vào Hội đồng quản trị.

			- Thống nhất thời điểm tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 vào ngày 29 tháng 03 năm 2013.
2	21/2013/NQ-HĐQT	18/04/2013	- Thông qua kết quả sản xuất-kinh doanh quý I/2013. - Bầu ông Hoàng Thuyền-Thành viên HĐQT giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Sơn Đồng Nai - Thông qua việc chia cổ tức đợt 2 năm 2012: 15%/mệnh giá cổ phiếu.
3	22/2013/NQ-HĐQT	23/07/2013	- Thông qua kết quả sản xuất-kinh doanh quý II/2013. - Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch sản xuất- kinh doanh quý III/2013 và giao Ban Giám Đốc triển khai thực hiện. - Chấp thuận đầu tư thêm 3 máy pha màu như kế hoạch đề ra, trong đó sử dụng 2 máy pha màu của nhà cung cấp DEGUSSA. - Chấp thuận việc thay mới mái nhà Phân xưởng hợp tác (IP) và Phân xưởng nội địa. - Chấp thuận đưa các khoản nợ khó đòi phát sinh từ nhiều năm trước của 19 khách hàng với số tiền: 333.886.504 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu tám trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm lẻ bốn đồng) ra khỏi Báo cáo tài chính. - Hội đồng quản trị thống nhất xin ý kiến HĐQT Tổng CTy Phát triển KCN (Công ty mẹ) về việc chi ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 là 10%/mệnh giá cổ phiếu
4	23/2013/NQ-HĐQT	30/10/2013	- Hội đồng Quản trị nhất trí thông qua kết quả sản xuất, kinh doanh 9 tháng năm 2013. - Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV/2013 và giao Ban Giám Đốc triển

			khai thực hiện. - Chấp thuận đầu tư thêm 01 máy pha màu, để trang bị cho các cửa hàng, đại lý. - Chấp thuận chủ trương việc xây dựng mới mái nhà kho nguyên liệu khu vực IP.
--	--	--	--

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

- Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tham gia các cuộc họp của HĐQT, tham gia thảo luận, góp ý cho Ban Điều hành thực thi tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, sản xuất kinh doanh.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Ông Hoàng Thuỳen-P. Chủ tịch HĐQT, P. Tổng Giám đốc.

2/- Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu cuối kỳ	
			Số CP	Tỷ lệ nắm giữ
01	Bà Lê Thị Hoàng Oanh (Đại diện phần vốn Tổng Cty phát triển KCN)	Trưởng Ban Kiểm Soát	151.818	10
02	Bà Nguyễn Thị Dung	TV Ban kiểm Soát	23.900	1,58
03	Bà Huỳnh Thị Thanh Hương	TV Ban kiểm Soát	0	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thời gian	Nội dung
01	27/09/2013	- Đánh giá tình hình SXKD 6 tháng đầu năm 2013 - Đánh giá việc chấp hành hành chế độ quản lý tài chính, kế toán của Ban Điều hành. - Kiến nghị với HĐQT các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả SXKD
02	19/03/2014	Đánh giá, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc

	quản lý và điều hành công ty - Xem xét tính hợp lý, tính trung thực của các quy định và quy trình luân chuyển chứng từ kế toán, tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính - Kiểm tra các báo cáo tình chính giữa niên độ và cả năm. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội cổ đông tại cuộc họp thường niên.
--	--

3/- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Đơn vị tính	Số tiền
01	Ông Trịnh Minh Trương	Chủ Tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc	Đồng	44.500.000
02	Ông Hoàng Thuyền	P. Chủ Tịch HĐQT - P. Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm từ ngày 29/3/2013)	Đồng	22.500.000
03	Ông Nguyễn Đức Nhiên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 29/3/2013)	Đồng	20.000.000
04	Ông Vũ Đức Đan	TV HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 29/3/2013)	Đồng	17.000.000
05	Ông Nguyễn Phi Hùng	TV HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 29/3/2013)	Đồng	14.500.000
06	Ông Đào Đình Đề	TV HĐQT	Đồng	29.500.000
07	Ông Liu Chien Hung	TV HĐQT	Đồng	29.500.000
08	Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Trưởng BKS (Bổ nhiệm từ ngày 29/3/2013)	Đồng	18.000.000
09	Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng BKS (Miễn nhiệm từ ngày 29/3/2013)	Đồng	11.500.000
10	Bà Nguyễn Thị Dung	TV Ban KS	Đồng	16.250.000
11	Bà Huỳnh Thị Thanh Hương	TV Ban KS	Đồng	16.250.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Không có giao dịch)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Không có giao dịch)

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đầy đủ.

4/- Danh sách cổ đông lớn

STT	Họ và Tên	Địa Chỉ	Quốc Tịch	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
01	Công ty XNK Petrolimex	54-56 Bùi Hữu Nghĩa P. 5, Quận 5, TP. HCM	Việt Nam	165.190	10,88
02	Tổng công ty Phát triển KCN	Đường số 1 KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP Biên Hòa.	Việt Nam	455.544	30,00
03	Đào Đình Đề	220/2 Đường Trần văn Đang, P 9, Quận 3, TP. HCM	Việt Nam	81.384	5,36
04	Liu Chien Hung	Số 3 Đường 2A, KCN Biên Hòa 2, Biên Hòa.	Đài Loan	149.053	9,82
05	Chen Miao Lien	Số 3 Đường 2A, KCN Biên Hòa 2, Biên Hòa.	Đài Loan	81.464	5.37
	Tổng Cộng			932.635	61.43

5/- Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan
Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan từ ngày 01/01-29/03/2013

STT	Tên cổ đông	Giới tính	CMT/HC/ĐKKD			Loại cổ đông	Quan hệ với CĐNB	Chức vụ	SL cổ phiếu nắm giữ	Địa chỉ
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp					
	CD nội bộ	*	*	*	*	*		*	*	
1	Trịnh Minh Trương	Nam	271296059	12/12/2012	Đồng Nai	Nội bộ		TV HĐQT	5,394	40A KP4, P. Tân Phong, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
2	Vũ Đức Đan	Nam	270034823	8/9/2011	Đồng Nai	Nội bộ		CT HĐQT	66.333	2/105, KP7, Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai
2.1	Vũ Đức Diễm	Nam	271400595	20/01/2003	Đồng Nai	NCLQ	Con		625	2/105 Khu phố 7, P. Tân Phong Biên Hòa, Đồng Nai
3	Nguyễn Phi Hùng	Nam	270034833	25/7/2011	Đồng Nai	Nội bộ		P. CT HĐQT	37.508	B25 Phan Chu Trinh, Biên Hòa, Đồng Nai
3.1	Nguyễn Thị Mai Hân	Nữ	271434599	10/01/1997	Đồng Nai	NCLQ	Con		67	B25 Đường Phan Chu Trinh, P Quang Vinh Biên Hòa DN
4	Đào Đình Đề	Nam	023104785	10/09/1999	HCM	Nội bộ		TV HĐQT	81.384	220/2 Trần Văn dăng, P.9, Q.3 TP HCM
5	Lưu Chiên Hưng	Nam	123053318	4/23/2003	HCM	Nội bộ		TV HĐQT	149.053	Số 3 đường 2A, KCN Biên Hòa 2, DNai
5.1	Lưu Cheng Min	Nam	131204431	13/8/2010	Dài Loan	NCLQ	Cha		52.101	21/6 Đại Vĩ, TP Đại lý, Dài Trung
5.2	Chen Miao Lien	Nữ	135027446	04/08/2004	HCM	NCLQ	Vợ		81.464	Số 3 đường 2A KCN Biên hòa 2
6	Nguyễn Thị Dung	Nữ	270640369	08/07/2010	Đồng Nai	Nội bộ		TV BKS	23.976	100/30 QL1 P Quyết Thắng Biên Hòa Đồng Nai
6.1	Nguyễn Công Chính	Nam	271530495	21/08/1998	Đồng Nai	NCLQ	Chồng		275	100/30 QL1 P Quyết Thắng Biên Hòa Đồng Nai
7	Trương Đình Dũng	Nam	271904903	11/03/2005	Đồng Nai	Nội bộ		KTT	4	100A KP2, P. Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai

Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan từ ngày 30/03-31/12/2013

STT	Tên cổ đông	Giới tính	CMT/HC/ĐKKD			Loại cổ đông	Quan hệ với CĐNB	Chức vụ	SL cổ phiếu nắm giữ	Địa chỉ
			Số	Ngày cấp	Nơi cấp					
	CĐ nội bộ	*	*	*	*	*		*	*	
1	Trịnh Minh Trương	Nam	271296059	12/12/2012	Đồng Nai	Nội bộ		Chủ tịch HĐQT, P. Tổng Giám đốc	5,394	40A KP4, P. Tân Phong, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
2	Hoàng Thuyền	Nam	271594757	19/01/2000	Đồng Nai	Nội bộ		P. Chủ tịch HĐQT, P. Tổng Giám đốc	666	354/A2 Nhị Hòa, Hiệp Hòa, Biên Hòa, Đồng Nai
3	Đào Đình Đề	Nam	023104785	10/09/1999	HCM	Nội bộ		TV HĐQT	81,384	220/2 Trần Văn đang, P.9, Q.3 TP HCM
4	Liu Chien Hung	Nam	123053318	4/23/2003	HCM	Nội bộ		TV HĐQT	149,053	Số 3 đường 2A, KCN Biên Hòa 2, ĐNai
4.1	Liu Cheng Min	Nam	131204431	13/8/2010	Đài Loan	NCLQ	Cha		52.101	21/6 Đại Vĩ, TP Đại lý, Đài Trung
4.2	Chen Miao Lien	Nữ	135027446	04/08/2004	HCM	NCLQ	Vợ		81,464	Số 3 đường 2A KCN Biên hòa 2
5	Nguyễn Thị Dung	Nữ	270640369	08/07/2010	Đồng Nai	Nội bộ		TV BKS	23,976	100/30 QL.1 P Quyết Thắng Biên Hòa Đồng Nai
6.1	Nguyễn Công Chính	Nam	271530495	21/08/1998	Đồng Nai	NCLQ	Chồng		275	100/30 QL.1 P Quyết Thắng Biên Hòa Đồng Nai
7	Trương Đình Dũng	Nam	271904903	11/03/2005	Đồng Nai	Nội bộ		KTT	4	100A KP2, P. Trảng Dài, Biên Hòa, Đồng Nai

6/- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Cổ phần	Tỉ lệ (%)
01	Tổng Công ty Phát triển Khu CN Biên Hòa (Đại Diện bởi ông Trịnh Minh Trương)	Đường số 1 KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng nai, Việt Nam	303.696	20
02	Tổng Công ty Phát triển Khu CN Biên Hòa (Đại Diện bởi Bà Lê Thị Hoàng Oanh)	Đường số 1 KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng nai, Việt Nam	151.848	10
	Tổng Cộng		455.544	30

7/- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập.

STT	Họ và Tên	Địa chỉ liên lạc	Ngành Nghề Kinh Doanh	Số Lượng CP sở hữu	Tỷ lệ vốn %
01	Tổng Cty Phát triển KCN (Đại diện ông Trịnh Minh Trương)	Đường 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai	Xây Dựng , Giao Thông, Hạ tầng cơ sở	303.696	20
02	Tổng Cty Phát triển Khu CN (Đại Diện Bà Lê Thị Hoàng Oanh)	Đường số 1 KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Xây dựng , Giao thông , Hạ tầng cơ sở...	151.848	10
03	Đào Đình Đề	220/2 Đường Trần Văn Đang P 9 Q3 TP HCM.	Sản xuất Gạch	81.384	5,36
04	Nguyễn Phi Hùng	B25 Đường Phan Chu Trinh P. Quang Vinh, TP. Biên Hòa	Không	37.508	2,47
05	Vũ Đức Đan	2/105 KP7, Phường Tân Phong, TP. Biên Hòa	Không	66.333	4,369
06	Huỳnh Ngọc Hiếu	K5/22E Ấp Tân Bàn, P. Bửu Hòa, TP. Biên Hòa	/	11.823	0,78
07	Phạm Đình Toàn	D8, KP 5 Phường Bửu Long TP Biên Hòa	/	19	0

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2014
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CT HĐQT-TỔNG GIÁM ĐỐC



Trịnh Minh Trương



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được thành lập từ việc chuyển đổi nhà máy Sơn Đồng Nai (Doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai) theo Quyết định số 4636/QĐ-TTG ngày 13/12/1999 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4703000004 ngày 01 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 12 năm 2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại đường số 7, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15.182.180.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 gồm:

- Chi nhánh đặt tại Khu Công nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trịnh Minh Trương	Chủ tịch
Ông Hoàng Thuyền	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Nhiên	Thành viên
Ông Đào Đình Đề	Thành viên
Ông Liu Chiên Hung	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trịnh Minh Trương	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thuyền	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, tỉnh Đồng Nai

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 06 tháng 3 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH MINH TRƯỞNG



RSM DTL Auditing
Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtlco@rsm.com.vn

Số: 14.106/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 01 năm 2014 từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



RSM DTL Auditing
Connected for Success

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL



TĂNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THÚY PHƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1191-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.996.960.429	30.485.409.687
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10.633.327.449	1.731.482.947
1. Tiền	111		1.733.327.449	1.731.482.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.900.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	19.059.174.524	18.722.626.262
1. Phải thu khách hàng	131		14.380.464.951	16.059.457.734
2. Trả trước cho người bán	132		889.000.075	45.456.607
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		7.168.640.113	6.577.285.770
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.378.930.615)	(3.959.573.849)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	12.183.986.957	9.986.601.102
1. Hàng tồn kho	141		12.284.475.081	10.123.576.599
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(100.488.124)	(136.975.497)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		120.471.499	44.699.376
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	120.471.499	44.699.376

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.508.137.868	11.517.950.772
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.852.137.351	6.163.634.622
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	5.374.798.297	5.730.206.568
+ Nguyên giá	222		17.807.966.806	18.055.948.941
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.433.168.509)	(12.325.742.373)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	477.339.054	433.428.054
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.7	5.019.000.000	5.019.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.019.000.000	5.019.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		637.000.517	335.316.150
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	301.684.367	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	335.316.150	335.316.150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		53.505.098.297	42.003.360.459

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.580.487.545	16.611.229.121
I. Nợ ngắn hạn	310		26.183.611.785	16.264.353.361
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	11.313.266.340	1.875.407.726
2. Phải trả người bán	312	5.11	6.565.020.735	6.504.253.866
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	9.858.695	69.130.715
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	1.152.932.613	1.280.465.852
5. Phải trả người lao động	315	5.13	3.582.120.768	3.190.923.865
6. Chi phí phải trả	316	5.14	1.222.654.193	1.668.847.872
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	1.129.257.963	184.342.654
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.16	1.208.500.478	1.490.980.811
II. Nợ dài hạn	330		396.875.760	346.875.760
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		396.875.760	346.875.760
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.924.610.752	25.392.131.338
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	26.924.610.752	25.392.131.338
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		15.182.180.000	15.182.180.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.801.192.208	3.434.620.723
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.350.205.150	2.015.475.355
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.408.493.718	1.073.763.923
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.182.539.676	3.686.091.337
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		53.505.098.297	42.003.360.459

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

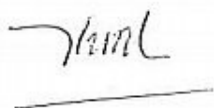
Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		593.937.719	260.051.215
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		738,76	738,04
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2014



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH MINH TRƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		116.155.369.252	94.449.549.331
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.355.662.424	1.989.257.395
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	108.799.706.828	92.460.291.936
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	80.762.520.699	69.339.015.869
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.037.186.129	23.121.276.067
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	284.122.236	199.976.718
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.176.030.131	872.993.075
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		700.225.453	870.362.375
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	6.074.023.284	5.100.183.098
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	10.227.544.221	8.802.605.881
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.843.710.729	8.545.470.731
11. Thu nhập khác	31		327.403.977	525.275.693
12. Chi phí khác	32		206.314.390	343.850.868
13. Lợi nhuận khác	40		121.089.587	181.424.825
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.964.800.316	8.726.895.556
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.270.204.417	1.479.253.555
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.694.595.899	7.247.642.001
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.17.4	4.410	4.774

NGƯỜI LẬP BIỂU

HUỖNH THỊ THANH HƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRỊNH MINH TRƯỞNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.964.800.316	8.726.895.556
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.547.003.155	1.490.587.077
Các khoản dự phòng	03		(68.594.266)	136.975.497
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(267.836.474)	(213.848.704)
Chi phí lãi vay	06		700.225.453	870.362.375
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		10.875.598.184	11.010.971.801
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(279.652.063)	(3.088.542.433)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.160.898.482)	2.569.927.972
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		644.518.799	112.869.072
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	29.475.000
Tiền lãi vay đã trả	13		(700.225.453)	(870.362.375)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.194.754.073)	(1.618.099.151)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		50.000.000	2.400.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.649.051.818)	(621.000.795)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		4.585.535.094	7.527.639.091
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.596.257.340)	(1.206.860.999)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	25.686.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		270.253.134	188.162.340
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.326.004.206)	(993.012.295)

(Phần tiếp theo trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

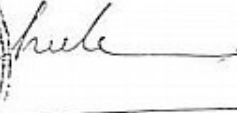
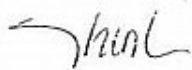
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		53.466.001.408	34.275.496.826
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(44.028.142.794)	(39.778.878.102)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.795.545.000)	(3.491.901.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.642.313.614	(8.995.282.676)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		8.901.844.502	(2.460.655.880)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.731.482.947	4.192.138.827
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		10.633.327.449	1.731.482.947

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỖNH THỊ THANH HƯƠNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

TRỊNH MINH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là nhà máy Sơn Đồng Nai (doanh nghiệp nhà nước thuộc Sở Công nghiệp Đồng Nai. Ngày 13 tháng 12 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000004 ngày 03 tháng 01 năm 2000 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 12 năm 2012.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại đường số 7, khu công nghiệp Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2013 gồm:

Chi nhánh đặt tại Khu công nghiệp Yên Phong, Xã Long Châu, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 218 (31/12/2012: 209).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất kinh doanh sản phẩm về sơn, keo. Xuất nhập khẩu, nguyên liệu và sản phẩm liên quan đến sơn và keo. Dịch vụ thi công về sơn

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời

hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.4 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và giảm giá trị phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

▪ Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Năm 2013

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 18 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

4.7 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.
 - + Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.9 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.10 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

4.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.13 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - + Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 25%.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- + Hàng hóa 10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.14 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.129.487.359	1.248.051.813
Tiền gửi ngân hàng	603.840.090	483.431.134
Các khoản tương đương tiền	8.900.000.000	-
Tổng cộng	10.633.327.449	1.731.482.947

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	14.380.464.951	16.059.457.734
Trả trước cho người bán	889.000.075	45.456.607
Các khoản phải thu khác	7.168.640.113	6.577.285.770
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	22.438.105.139	22.682.200.111
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.378.930.615)	(3.959.573.849)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	19.059.174.524	18.722.626.262

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền gia công	6.230.486.969	6.449.270.838
Phải thu khác	938.153.144	128.014.932
Cộng	7.168.640.113	6.577.285.770

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.782.314.977	6.645.591.132
Công cụ, dụng cụ	801.162.217	602.814.902
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	323.488.601	276.398.234
Thành phẩm	4.376.793.786	2.593.466.131
Hàng hóa	715.500	5.306.200
Cộng giá gốc hàng tồn kho	12.284.475.081	10.123.576.599
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(100.488.124)	(136.975.497)
Giá trị thuần có thể thực hiện	12.183.986.957	9.986.601.102

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là do đã xử lý.

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

Là khoản tạm ứng của nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.280.735.452	6.656.778.200	3.794.293.703	2.324.141.586	18.055.948.941
Mua trong năm	-	557.545.540	271.400.181	60.785.455	889.731.176
Đầu tư XDCB hoàn thành	614.042.164	92.484.000	-	-	706.526.164
Phân loại lại	-	963.992.273	827.300.924	(1.791.293.197)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(206.250.000)	(24.690.476)	(230.940.476)
Giảm theo TT 45/2013	(219.491.913)	(957.124.263)	-	(436.682.823)	(1.613.298.999)
Số dư cuối năm	5.675.285.703	7.313.675.750	4.686.744.808	132.260.545	17.807.966.806
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.644.883.405	4.308.029.328	1.935.694.652	1.437.134.988	12.325.742.373
Khấu hao trong năm	250.534.933	772.523.059	474.987.181	48.957.982	1.547.003.155
Phân loại lại	-	542.862.274	501.690.433	(1.044.552.707)	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(206.250.000)	(22.273.816)	(228.523.816)
Giảm theo TT 45/2013	(144.655.626)	(718.193.945)	-	(348.203.632)	(1.211.053.203)
Số dư cuối năm	4.750.762.712	4.905.220.716	2.706.122.266	71.062.815	12.433.168.509
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	635.852.047	2.348.748.872	1.858.599.051	887.006.598	5.730.206.568
Tại ngày cuối năm	924.522.991	2.408.455.034	1.980.622.542	61.197.730	5.374.798.297

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 266.493.233 đồng
– Xem thêm mục 5.10.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.552.766.302 đồng.

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Máy pha màu	358.208.054	358.208.054
Máy trộn sơn tự động	-	54.320.000
Băng tải mâm xoay	-	20.900.000
Hệ thống báo cháy	119.131.000	-
Tổng cộng	477.339.054	433.428.054

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	5.019.000.000	5.019.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	5.019.000.000	5.019.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	5.019.000.000	5.019.000.000

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu Công ty CP đầu tư Nhơn Trạch	81.900	819.000.000	81.900	819.000.000
Đầu tư cổ phiếu Công ty CP Sonadezi Châu Đức	420.000	4.200.000.000	420.000	4.200.000.000
Cộng	501.900	5.019.000.000	501.900	5.019.000.000

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

Là các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận tài sản theo thông tư 45/2013 chờ phân bổ

5.9. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ, ký cược nhằm mục đích thuê nhà xưởng tại khu công nghiệp Yên Phong Bắc Ninh theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 58-2008/CTXD-HĐKT.

5.10. Vay ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng (VND)	11.313.266.340	1.875.407.726
Tổng cộng	11.313.266.340	1.875.407.726

Vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

+ Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam_ Chi nhánh KCN Biên Hòa theo hợp đồng tín dụng 01/2013 - HĐTDHM/NHCT682 – SĐN ngày 23/8/2013, thời hạn vay không quá 5 tháng, hạn mức tín dụng 10.000.000.000 đồng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, bình quân 7,5 %/ năm. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh.

Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- Máy móc, thiết bị trị giá 81.000.000 đồng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 01/SĐN/2011/BBĐGL2 ngày 23/08/2013 (xem thêm mục 5.5).
- Nhà máy sản xuất sản phẩm sơn các loại trị giá 493.000.000 đồng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 02/SĐN/2010/BBĐGL3 ngày 23/08/2013 (xem thêm mục 5.5).
- Toàn bộ hàng tồn kho trị giá tối thiểu là 10 tỷ đồng theo Biên bản định giá lại Tài sản đảm bảo số 03/SĐN/2012/BBĐGL1 ngày 23/08/2013.

+ Vay ngắn hạn ngân hàng TNHH MTV HSBC theo hợp đồng tín dụng số DNI 121613 ngày 20/11/2012, thời hạn vay 4 tháng, hạn mức tín dụng tương đương 600.000 USD, lãi suất theo từng giấy nhận nợ, bình quân 7,5%/ năm. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty với trị giá ít nhất 600.000 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	6.565.020.735	6.504.253.866
Người mua trả tiền trước	9.858.695	69.130.715
Tổng cộng	6.574.879.430	6.573.384.581

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	516.610.254	828.058.740
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	385.214.447	309.764.103
Thuế thu nhập cá nhân	251.107.912	142.643.009
Tổng cộng	1.152.932.613	1.280.465.852

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2013 còn phải trả cho người lao động.

5.14. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Trích trước tiền thưởng doanh số 2013	704.820.000	1.343.300.000
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại phải trả	178.447.727	138.000.000
Trích trước chi phí điện tại phân xưởng AMATA	154.725.557	-
Trích trước chi phí quà tặng khách hàng 2013	184.660.909	187.547.872
Tổng cộng	1.222.654.193	1.668.847.872

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	30.111.427	30.853.945
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.008.870	150.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.080.137.666	3.488.709
Tổng cộng	1.129.257.963	184.342.654

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

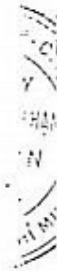
	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.490.980.811	864.456.982
Trích lập trong năm	1.366.571.485	1.179.269.613
Sử dụng trong năm	(1.649.051.818)	(552.745.784)
Số dư cuối năm	1.208.500.478	1.490.980.811

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

5.17. Vốn chủ sở hữu**5.17.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	15.182.180.000	2.709.856.523	1.653.093.255	711.381.823	2.559.148.749	22.815.660.350
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	7.247.642.001	7.247.642.001
Trích quỹ	-	724.764.200	362.382.100	362.382.100	(2.628.798.013)	(1.179.269.613)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.491.901.400)	(3.491.901.400)
Số dư đầu năm nay	15.182.180.000	3.434.620.723	2.015.475.355	1.073.763.923	3.686.091.337	25.392.131.338
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	6.694.595.899	6.694.595.899
Trích quỹ bổ sung năm 2012	-	362.382.100	-	-	(724.764.200)	(362.382.100)
Trích quỹ năm 2013	-	1.004.189.385	334.729.795	334.729.795	(2.677.838.360)	(1.004.189.385)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(3.795.545.000)	(3.795.545.000)
Số dư cuối năm	15.182.180.000	4.801.192.208	2.350.205.150	1.408.493.718	3.182.539.676	26.924.610.752



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

5.17.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	4.555.440.000	4.555.440.000
Vốn góp của các đối tượng khác	10.626.740.000	10.626.740.000
Tổng cộng	15.182.180.000	15.182.180.000

5.17.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	1.518.218	1.518.218
▪ Số lượng cổ phần đã bán ra	1.518.218	1.518.218
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.518.218	1.518.218
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.17.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	6.694.595.899	7.247.642.001
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.518.218	1.518.218
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	4.410	4.774

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	115.822.481.836	94.111.632.666
Doanh thu cung cấp dịch vụ	332.887.416	337.916.665
Chiết khấu thương mại	(6.773.555.664)	(1.273.739.849)
Hàng bán bị trả lại	(582.106.760)	(715.517.546)
Doanh thu thuần	108.799.706.828	92.460.291.936

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	80.642.342.922	69.284.140.596
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	120.177.777	54.875.273
Tổng cộng	80.762.520.699	69.339.015.869

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	270.253.134	36.995.604
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	151.166.736
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.478.643	5.030.603
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.390.459	6.783.775
Tổng cộng	284.122.236	199.976.718

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	2.435.379.207	-
Chi phí lãi vay	700.225.453	870.362.375
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.425.471	2.630.700
Tổng cộng	3.176.030.131	872.993.075

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao	95.314.452	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.337.561.864	1.219.076.938
Chi phí dụng cụ sản xuất	59.422.331	89.068.652
Chi phí hoạt động xúc tiến thương mại	3.186.157.653	2.642.181.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	441.904.125	391.261.019
Chi phí khác bằng tiền	953.662.859	758.595.280
Tổng cộng	6.074.023.284	5.100.183.098

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	474.303.669	567.294.919
Chi phí đồ dùng văn phòng	237.686.054	150.076.868
Chi phí nhân công	5.485.876.922	4.714.177.682
Chi phí khấu hao tài sản cố định	277.340.974	316.263.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	607.642.923	565.213.668
Thuế phí, lệ phí	260.235.722	352.435.078
Chi phí khác	2.884.457.957	2.137.143.692
Tổng cộng	10.227.544.221	8.802.605.881

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	8.964.800.316	8.726.895.556
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	116.017.352	63.556.998
Trừ các khoản điều chỉnh giảm		(151.166.736)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	9.080.817.668	8.639.285.818
Trong đó		
Thu nhập được miễn thuế của chi nhánh Bắc Ninh	-	186.408.360
Thu nhập chịu thuế suất 25%	9.080.817.668	8.452.877.458
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	2.270.204.417	2.113.219.365
Thuế được giảm theo Nghị Quyết 29/2012/QH13 ngày 21/06/2012	-	(633.965.809)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	2.270.204.417	1.479.253.555

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: các chi phí không có đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ.

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.908.070.267	53.802.218.928
Chi phí nhân công	18.326.511.738	17.733.983.055
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.245.825.654	1.496.980.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.495.940.423	3.951.090.974
Chi phí khác bằng tiền	6.134.077.264	6.257.531.811
Chi phí khác	4.336.007.379	1.216.843.943
Tổng cộng	100.446.432.725	84.458.648.791

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty

Tên công tyMối quan hệ

1. Trịnh Minh Trương

Tổng Giám đốc Công ty

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	271.500.000	123.540.000
Lương Ban Tổng Giám đốc	612.724.658	876.421.755
Tổng cộng	884.224.658	999.961.755

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

▪ Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

▪ Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.633.327.449	1.731.482.947
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.232.021.305	18.549.154.723
Đầu tư dài hạn	5.019.000.000	5.019.000.000
Tài sản tài chính khác	335.316.150	335.316.150
Tổng cộng	33.219.664.904	25.634.953.820
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	11.313.266.340	1.875.407.726
Phải trả người bán và phải trả khác	8.061.043.031	7.001.129.626
Chi phí phải trả	1.222.654.193	1.668.847.872
Tổng cộng	20.596.963.564	10.545.385.224

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
Đô la Mỹ (USD)	31.464,00	63.720,00	738,76	738,04

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

			VND
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	11.313.266.340		11.313.266.340
Phải trả người bán và phải trả khác	7.664.167.271	396.875.760	8.061.043.031
Chi phí phải trả	1.222.654.193		1.222.654.193
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	1.875.407.726	-	1.875.407.726
Phải trả người bán và phải trả khác	6.654.253.866	346.875.760	7.001.129.626
Chi phí phải trả	1.668.847.872	-	1.668.847.872

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VND			
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.232.021.305	-	17.232.021.305
Các khoản đầu tư	-	5.019.000.000	5.019.000.000
Tài sản tài chính khác	-	335.316.150	335.316.150
01/01/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.549.154.723	-	18.549.154.723
Các khoản đầu tư	-	5.019.000.000	5.019.000.000
Tài sản tài chính khác	-	335.316.150	335.316.150

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

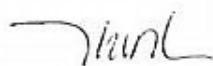
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 01 năm 2014.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH THỊ THANH HƯƠNG

TRƯƠNG ĐÌNH DŨNG

TRỊNH MINH TRƯƠNG